TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số: 289 /2024/HNGĐ
Ngày 18/6/2024
Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B , THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phí Văn Chân

Bà Lê Thị Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận B .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa*:

Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B , xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45 /2024/QĐ - ST ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1994

HKTT+ cư trú: Tổ dân phố Hạ 12, phường T, quận B , Thành phố H .

(Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Trần Hải N, sinh năm 1989

HKTT: Tổ 36A, Khu 10, phường Q, Thành phố U, tỉnh Q.

Cư trú: Tổ dân phố Hạ 12, phường T, quận B , Thành phố H .

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:***

Chị và anh Trần Hải N có tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện với tại UBND phường Tây Tựu, quận B , thành phố H vào ngày 27/02/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố Hạ 12, phường Tây Tựu, quận B , Thành phố H .

Trong quá trình sinh sống anh, chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, không tìm được tiếng nói chung, hai bên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã tìm các biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Tuy mới kết hôn nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tự sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án cho ly hôn với anh N để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, nhà đất: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Trần Hải N trình bày:***

Ngày 27/02/2023 anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Tây Tựu, quận B , Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2023 của UBND phường Tây Tựu, quận B , Thành phố H .

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi sống chung anh, chị cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. anh, chị đã sống ly thân, không còn sống chung một nhà.

Đến nay anh không còn tình cảm, để tốt nhất cho cả hai quyết định lựa chọn ly hôn là phương án cuối cùng. Vì vậy, đề nghị Toà xem xét để anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Anh xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng trình tự đưa vụ án ra xét xử, HĐXX, Thư ký Toà án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà HNGĐ sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Toà án nhưng đã đưa ra ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án đồng thời có đơn xin vắng mặt cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng cũng như tư chối các quyền tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Hải N đăng ký kết hôn ngày 27/02/2023 tại UBND phường Tây Tựu, quận B , thành phố H trên cơ sở tự nguyện. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi vã. Chị N , anh N sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài được nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trần Hải N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Không có

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không có

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trần Hải Ninh. Chị N được ly hôn với anh Ninh.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Anh Trần Hải N có đăng ký tạm trú tại Tổ dân phố Hạ 12, phường Tây Tựu, quận B , Thành phố H . Chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn với anh Ninh, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định của pháp luật.

[2].Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2023 tại UBND phường Tây Tựu, quận B , thành phố H , đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyễn cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N , anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Chị N có đơn xin ly hôn, anh N đồng ý nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Hai bên xác định không có con chung nên không xem xét

- Về tài sản, nhà đất công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trần Hải N Anh N được ly hôn với chị N .

2. Về con chung: Không có nên không xem xét

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021412 ngày 22/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B .

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tuyết

Nơi nhận:
- VKSND quận B
- Chi cục THADS quận B
- Đương sự